

Bản án số: 07/2018/DSPT
Ngày: 27/3/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản (Tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bế Chiến

Các Thẩm phán:

Bà Lương Thị Hợp

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng: Nguyễn Thúy Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 22/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tiền)”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1957

Ông Triệu Văn D, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 02, phường SH, thành phố CB, tỉnh CB.

Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thủy, Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Thủy, Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Đồng bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962. Có mặt

Ông Nông Công L, sinh năm 1959. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 15, phường Đ T, thành phố CB, tỉnh CB.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Hồng Vân, Văn phòng luật sư Đông Phương, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt.

Người làm chứng: Bà Hoàng Thị Minh T

Địa chỉ: Tổ 15, phường H G, thành phố CB, tỉnh CB.

Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2013 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Vũ Thị T và ông Triệu Văn D trình bày: Do có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau, nên khi vợ chồng bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L đặt vấn đề vay tiền với vợ chồng tôi và tin tưởng vợ chồng bà Y ông L nên vợ chồng tôi có vay tiền, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 05/9/2011 vợ chồng bà Nguyễn Thị Y, ông Nông Công L vay vợ chồng tôi số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), việc vay mượn có viết giấy tờ và thời gian vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận. Giấy vay tiền có chữ ký của người vay tiền và người làm chứng Hoàng Thị Minh T.

Lần thứ hai vay vào ngày 19/10/2011 bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L viết giấy vay tiền với vợ chồng tôi, số tiền vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận, thời gian vay là 06 tháng. Giấy vay tiền có chữ ký của người vay tiền và người làm chứng Hoàng Thị Minh T.

Hết thời hạn như đã thỏa thuận trong giấy vay tiền, ngày 22/3/2012 bà Nguyễn Thị Y có xin được kéo dài thời gian trả nợ thêm 03 tháng. Sau đó, đến ngày 18/6/2012 và Yên xin khất nợ thêm 03 tháng. Việc xin kéo dài và khất nợ được thể hiện vào mặt sau của giấy vay tiền ngày 19/10/2011. Tổng số tiền vợ chồng bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L đã vay của vợ chồng tôi là 300.000.000đ. Trong tháng 9/2011, vợ chồng bà Y ông L đã trả cho vợ chồng tôi được 70.000.000đ và còn nợ lại số tiền 230.000.000đ. Vợ chồng tôi đã trực tiếp đến yêu cầu bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L thanh toán cho vợ chồng tôi số tiền còn lại nhưng vợ chồng bà Y ông L không chịu thanh toán cho vợ chồng tôi. Do vậy vợ chồng tôi đã làm đơn gửi đến cơ quan của ông Nông Công L để can thiệp giúp cho việc thanh toán khoản nợ còn lại. Tại bản kết luận thanh tra số 333/KL-TTr-CQT(PV24) ngày 17/12/2012 của Công an tỉnh Cao

Bằng đã kết luận: Đồng chí Nông Công L có trách nhiệm cùng vợ giải quyết việc trả nợ với vợ chồng Thái, Dừng.

Nhưng từ đó đến nay vợ chồng bà Nguyễn Thị Y, ông Nông Công L vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng tôi được khoản tiền nào. Tại Tòa, chúng tôi yêu cầu bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L có trách nhiệm thanh toán cho chúng tôi khoản nợ là 230.000.000đ; yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất ngân hàng từ sau ngày hết thời hạn thỏa thuận cho đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Về mối quan hệ như ông D và bà Th đã trình bày là đúng. Việc vay mượn tiền giữa ông D và bà Th, tôi xác nhận có được vay tiền hai lần, mỗi lần là 50.000.000đ nhưng sau đó viết gộp lại thành 01 giấy vay tiền ngày 05/9/2011, tổng số tiền tôi đã vay là 100.000.000đ, tôi đã trả được 70.000.000đ. Nay còn nợ lại ông D bà Th 30.000.000đ. Còn khoản vay 200.000.000đ theo giấy vay tiền 19/10/2011 tôi không được vay bằng tiền mà vay 01 mảnh đất tính trị giá là 200.000.000đ nhưng tôi không được cầm tiền và cũng không được cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Th, ông D. Nên khoản vay này tôi không chấp nhận trả theo yêu cầu của bà Th và ông D.

Vụ án đã được cấp sơ thẩm hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 24/2017/DSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã áp dụng các Điều 471, 474, 476, khoản 2 Điều 305 - Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 35, Điều 273, Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T và ông Triệu Văn D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tiền).

Xử buộc bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L (Cùng trú tại: Tổ 15, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) phải trả lại cho bà Vũ Thị T và ông Triệu Văn D (Cùng trú tại: Tổ 02, phường SH, thành phố CB, tỉnh CB) số tiền gốc và lãi là 332.350.000đ (Ba trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch của số tiền phải hoàn trả là 16.617.500đ (Mười sáu triệu sáu trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Bà Vũ Thị T và ông Triệu Văn D không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) theo biên lai số AB/2012/00191 và AB/2012/00192 ngày 05/7/2013.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Y không nhất trí với quyết định của bản án dân sự sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án và quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Vũ Thị T và ông Triệu Văn D thống nhất ý kiến:

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đó là yêu cầu bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L trả 230.000.000đ, số tiền lãi theo quy định của pháp luật, thời điểm tính lãi kể từ khi hết thời hạn thanh toán ngày 19/10/2012. Đối với lãi suất trong thời hạn vay không xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà công nhận việc ông Nông Công L đã ủy quyền cho bà tham gia tố tụng trong vụ án này.

Bà Y không nhất trí trả khoản tiền 200.000.000đ tại Giấy vay tiền ngày 19/10/2011 cho bà Th và ông D bởi thực chất Giấy vay tiền ngày 19/10/2011 là vay mảnh đất (quy ra tiền là 200.000.000đ) nhưng bà không được cầm tiền cũng không được cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mảnh đất đó, bà Th đã bán mảnh đất đó cho bà Hoàng Thị L ở tổ 2 phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, sau đó bà L lại bán lại cho bà Hoàng Thị Minh T. Nay đề nghị Tòa án phúc thẩm bác yêu cầu của bà Th, ông D đối với số tiền 200.000.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Trong vụ án này việc vay tiền không có thật và thực tế chỉ thỏa thuận vay bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, các giấy vay tiền đều tự tay bà Y viết, vắng người làm chứng là bà Hoàng Thị Minh T và việc thỏa thuận vay mượn của cả hai bên cũng không có sự chứng kiến của bà Tâm. Thời điểm bà Tâm ký vào giấy vay nợ với tư cách người làm chứng là sau thời điểm bà Y với bà Th tự thỏa thuận với nhau khoảng một tháng. Như vậy, giấy vay tiền lập ngày 19/10/2011 không đúng theo quy định pháp luật nên không có giá trị. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Y phải trả khoản tiền 200.000.000 đồng cùng lãi suất là không đúng.

Căn cứ Điều 463, Điều 464 Bộ luật dân sự; Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm. Bác yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 200.000.000 đồng đối với bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Bà Y xác nhận không được cầm số tiền 200.000.000đ, tuy nhiên thực tế cho thấy bà Y là người trực tiếp viết Giấy vay tiền, có chữ ký của người làm chứng bà Hoàng Thị Minh T, ông L và bà Y. Tại thời điểm viết Giấy vay tiền, bà Y hoàn toàn tỉnh táo nên phải có trách nhiệm đối với Giấy vay tiền này. Bên cạnh đó, bà Y cho rằng các bên thỏa thuận mượn đất để vay tiền, bà Y không được cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại hai lần đến xin bà Th, ông D được khất nợ. Như vậy khoản vay này là có thật, có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: bà Y cho không chấp nhận trả bà Th, ông D số tiền 200.000.000đ vì khoản vay này thực chất là vay 01 mảnh đất (quy ra tiền là 200.000.000đ) tuy nhiên bà không được cầm tiền, cũng không được cầm sổ đỏ của mảnh đất đó. Sau khi xem xét Giấy vay tiền ngày 19/10/2011 nhận thấy tại Giấy vay tiền này có người làm chứng là Hoàng Thị Minh T, đồng thời có chữ ký của hai bên là bà Y và ông L, mặt sau của Giấy vay tiền có hai lần ra hạn trả tiền, tất cả đều chính tay bà Y viết và tự đến xin ra hạn trả nợ. Cũng tại biên bản tự khai của bà Y thừa nhận việc vay số tiền 200.000.000đ là có thật. Như vậy có đủ căn cứ chấp nhận Giấy vay tiền ngày 19/10/2011, số tiền 200.000.000đ, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Y.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2017/DSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Ngày 28/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 24/2017/DS-ST về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tiền)” giữa đồng nguyên đơn bà Vũ Thị T, ông Triệu Văn D và bị đơn bà Nguyễn Thị Y, ông Nông Công L. Tại phiên tòa sơ thẩm, vắng mặt ông Nông Công L, tuy nhiên đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bản án đúng thời hạn theo quy định pháp luật. Đến ngày 08/9/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Y làm đơn kháng cáo. Theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Như vậy, đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Y trong thời hạn luật định.

[2] Nội dung vụ án:

- Theo đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Y, bà Y không nhất trí với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải trả khoản tiền 200.000.000đ tại Giấy vay tiền ngày 19/10/2011 cho bà Th và ông D bởi thực chất Giấy vay tiền ngày 19/10/2011 là vay mảnh đất trị giá 200.000.000đ nhưng bà không được cầm tiền cũng không được cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mảnh đất đó, bà Th đã bán mảnh đất đó cho người khác.

Tại Giấy vay tiền ngày 19/10/2011 (số tiền 200.000.000đ) do bà Th cung cấp là chính tay bà Y viết, có chữ ký của người làm chứng là bà Hoàng Thị Minh T, ông Nông Công L và bà Nguyễn Thị Y. Đồng thời, mặt sau của Giấy vay tiền ngày 19/10/2011 cho thấy hai lần khát nợ, lần thứ nhất vào ngày 22/3/2012 ra hạn thêm 3 tháng, lần hai vào 18/6/2012 ra hạn thêm 03 tháng cũng do bà Y viết. Tại những thời điểm viết Giấy nợ và ra hạn này, bà Y hoàn toàn tỉnh táo và nhận thức được hành vi của mình do đó Giấy vay tiền là chứng cứ chứng minh khoản tiền vay 200.000.000đ giữa bà Th và bà Y.

Cũng tại biên bản tự khai của bà Nguyễn Thị Y (BL số 15) đã công nhận được vay 01 mảnh đất trị giá 200.000.000đ và cam đoan được vay đúng số tiền ghi trên Giấy tờ.

Như vậy, qua các lời khai, chứng cứ đều thể hiện bà Y đã được vay 200.000.000đ với bà Th, ông D nên đơn kháng cáo của bà Y không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y không được chấp nhận nên bà Y phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2017/DSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Căn cứ các Điều 471, 474 ,476, khoản 2 Điều 305 - Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 35, Điều 273, Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T và ông Triệu Văn D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tiền).

Xử buộc bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L (Cùng trú tại: Tổ 15, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) phải trả lại cho bà Vũ Thị T và ông Triệu Văn D (Cùng trú tại: Tổ 02, phường SH, thành phố CB, tỉnh CB) số tiền gốc và lãi là 332.350.000đ (Ba trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Y và ông Nông Công L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch của số tiền phải hoàn trả là 16.617.500đ (Mười sáu triệu sáu trăm

mười bảy nghìn năm trăm đồng) và chịu án phí phúc thẩm 300.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bà Nguyễn Thị Y đã nộp 300.000đ tiền án phí phúc thẩm tại biên lai số AA/2016/0000180 ngày 14/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

- Bà Vũ Thị T và ông Triệu Văn D không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) theo biên lai số AB/2012/00191 và AB/2012/00192 ngày 05/7/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS thành phố Cao Bằng;
- TAND thành phố Cao Bằng;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bế Chiến